

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-ST
Ngày 31-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Quân;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai G – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2025/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S có ngay; địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 2000; chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S có ngay, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01-01-2026), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1997; địa chỉ: khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án bà là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 30/01/2024, bà Nguyễn Thị D có cầm cố tài sản với Chi nhánh B - T – Công ty Cổ phần S có ngay theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 30/01/2024 gồm có tài sản cầm cố như sau: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda,

loại Vario Indo, biển số 61K1-262.27, số khung MH1JM4117MK79460, số máy JM41E1974091 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 005750 do Công an tỉnh B cấp ngày 12/01/2022.

Hợp đồng cầm cố như sau: Số tiền cầm cố là 16.050.000 (mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, thời gian cầm cố 12 tháng mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân là 30/01/2024 lãi suất thỏa thuận 1.1% và các khoản lãi, phí khác theo Hợp đồng cầm cố.

Do bà D có nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 30/01/2024, bà Nguyễn Thị D đã có đơn gửi Chi nhánh BÌNH DƯƠNG 07- THUẬN AN 2 - Công ty Cổ Phần T xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn lại là 01 (một) xe mô tô như sau: Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/02/2024. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Bà Nguyễn Thị D có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận" theo yêu cầu từ Công ty Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Chi nhánh B 07- THUẬN AN 2 - Công ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố có theo quy định tại Điều 314 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày ký Hợp đồng cầm cố Công ty Cổ phần S có ngay đã giải ngân cho khách hàng số tiền là 16.050.000 đồng (mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo đơn đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số: BZM240101006NA21X ký ngày 30/01/2024. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng sự nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà D có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà D vẫn không thực hiện. Tạm tính đến ngày 06/02/2025 bà Nguyễn Thị D còn nợ Công ty Cổ phần S có ngay là 33.210.930 đồng (trong đó tiền gốc là 16.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.512.988; phí quản lý hồ sơ có định là 536.796 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.197.136 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.284.000 đồng). Thời gian mượn xe là 01 tháng kể từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/02/2024 Công ty có yêu cầu bà D bàn giao lại tài sản nhưng bà D trốn tránh không thực hiện theo cam kết.

Theo đơn khởi kiện Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc bà D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 06/02/2025 bà Nguyễn Thị D còn nợ Công ty Cổ phần S có ngay là 33.210.930 đồng (trong đó tiền gốc là 16.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là

1.512.988 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định là 536.796 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.197.136 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.284.000 đồng). Ngoài ra bà D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe theo khoản 3 Mục I kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên cho Công ty Cổ phần S có ngay. Tài sản bảo đảm được nêu tại Mục I đơn này: Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần S có ngay.

Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị D do bà Nguyễn Thị D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Theo kết quả xác minh tại Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Thị D có đăng ký thường trú tại khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà D theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị D, trụ sở Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị D không gửi văn bản trình bày ý kiến của bị đơn về việc Công ty Cổ phần S có ngay và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 33.11.073 đồng (trong đó tiền gốc là 16.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 176.550 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định là 536.796 đồng; tiền lãi quá hạn là 6.717.728 đồng; phí mượn xe là 9.630.000 đồng). Ngoài ra bà D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe theo khoản 3 Mục I kể từ ngày 06/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên cho Công ty Cổ phần S có ngay. Tài sản bảo đảm được nêu tại Mục I đơn này: Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần S có ngay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả số tiền 33.210.930 đồng (trong đó tiền gốc là 16.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.512.988 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định là 536.796 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.197.136 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.284.000 đồng) theo đơn đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số: BZM240101006NA21X ký ngày 30/01/2024, Giấy mượn xe ngày 30/-1/2-24 được ký giữa Công ty Cổ phần S có ngay và bà Nguyễn Thị D. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được thông báo hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị D theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét hợp đồng cầm cố tài sản:

[3.1.1] Ngày 30/01/2024 bà Nguyễn Thị D có cầm cố tài sản với Chi nhánh B - T – Công ty Cổ phần S có ngay theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 30/01/2024 gồm có tài sản cầm cố như sau: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario Indo, biển số 61K1-262.27, số khung MH1JM4117MK79460, số máy JM41E1974091 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 005750 do Công an tỉnh B cấp ngày 12/01/2022. Hợp đồng cầm cố như sau: Số tiền cầm cố là 16.050.000 đồng (mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) thời gian cầm cố 12 tháng mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân là 30/01/2024 lãi suất thỏa thuận 1.1%, thời gian cầm cố là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,1%/ tháng. Công ty đã giao đủ tiền và nhận xe, việc cầm cố vay tiền giữa đôi bên là có thực tế, được ghi nhận bằng văn bản, hợp đồng ký kết. Do đó, khi bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo cam kết của hợp đồng là vi phạm nên Công ty khởi kiện yêu cầu là phù hợp.

Theo tài liệu do Công ty Cổ phần S có ngay cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị D còn nợ Công ty số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 33.210.930 đồng (trong đó tiền gốc là 16.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 1.512.988 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định là 536.796 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.197.136 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.284.000 đồng) là phù hợp nên được chấp nhận.

[3.1.2] Hợp đồng cầm cố giữa các bên thể hiện bằng văn bản, nội dung thỏa thuận cụ thể về số tiền cầm cố, thời hạn cầm cố, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng cầm cố có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; Điều 309, 310, 311, 312, 313 và Điều 314 của Bộ luật Dân sự.

[3.1.2] Bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng cầm cố đã giao kết. Công ty Cổ phần S có ngay yêu cầu bà D phải thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 33.111.073 đồng (trong đó tiền gốc là 16.050.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 176.550 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định là 536.796 đồng; tiền lãi quá hạn là 6.717.728 đồng; phí mượn xe là 9.630.000 đồng) và sẽ được tính tiếp cho đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận theo quy định

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các Điều 143, 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 309, 310, 311, 312, 313 và Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay số tiền 33.111.073 (ba mươi ba triệu một trăm mười một nghìn không trăm bảy mươi ba) đồng, trong đó: tiền gốc là 16.050.000 (mười sáu triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng; tiền lãi trong hạn: 176.550 (một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi) đồng; phí quản lý hồ sơ cố định: 536.796 (năm trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng; tiền lãi quá hạn: 6.717.728 (sáu triệu bảy trăm mười bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng; phí mượn xe: 9.630.000 (chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày 01-4-2026 đến khi thi hành án xong, nếu bà D không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho ông ty Cổ phần Sawad Tiền có ngay thì phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số: BZM240101006NA21X ngày 30/01/2024 và Giấy mượn xe ngày 30/01/2024 đã được ký giữa Công ty Cổ phần S có ngay và bà Nguyễn Thị D cho đến khi thanh toán hết khoản tiền trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần S có ngay không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh) hoàn trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền 830.273 (tám trăm ba mươi nghìn hai trăm bảy mươi ba) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006308 ngày 04-04-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh).

- Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 1.655.554 (một triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi bốn) đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai